TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:**02**/2023/DS-ST Ngày: 10/01/2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký, Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội*, tham gia phiên toà:* Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 82/2022/TLST-DS ngày 13/10/2022 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐST-DS ngày 05/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-DS ngày 22/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH một thành viên S.
Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà E, số M H, phường Đ, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lỗ Đức Th
Chức vụ: Cán bộ ngân hàng
Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H1, sinh năm 1989
Nơi ĐKHKTT: Thôn Kh, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội
(Ông Th có mặt tại phiên tòa, Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/5/2022 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng TNHH một thành viên S do người đại diện theo ủy quyền ông Lỗ Đức Th trình bày:***

Ông Nguyễn Việt H1 lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng vào ngày 25/09/2018, hạn mức tín dụng ban đầu cấp cho Ông H1 là 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng đứng tên Ông Nguyễn Việt H1, với hạn mức 150.000.000 đồng , lãi suất sẽ được tính tại thời điểm sử dụng thẻ.

Quá trình sử dụng thẻ, Ông H1 đã chi tiêu và thanh toán trong thời gian đầu sử dụng và bắt đầu để quá hạn từ ngày 10/02/2019. Tính đến ngày 04/10/2022, tổng dư nợ khoản chi tiêu thẻ tín dụng của Ông H1 tại Ngân hàng là: 183,999,269 VNĐ *(bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng)*, trong đó:

- Nợ gốc: 136.587.129 VND
- Nợ lãi: 43.141.744 VND
- Phí trả chậm: 4.270.396 VND

" Trong đó: lãi được tính cho hạng thẻ Hi-Point Platinum của Ông H1 là 28,8%/năm, Phí chậm thanh toán là: 4%(Tối thiểu 250,000 đồng, tối đa 999,000 đồng) số tiền chậm trả. Theo qui định chung của Ngân hàng S được thể hiện trên biểu phí chung và website: shinhan.com.vn".

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện cho Ông Nguyễn Việt H1 trả nợ nhưng Ông H1 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc làm trên của Ông H1 đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Kể từ ngày 17/12/2019 đến nay Ngân hàng đã tạm dừng tính lãi, phí phát sinh đối với Ông H1.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TNHH một thành viên S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Ông Nguyễn Việt H1 phải trả Ngân hàng TNHH MTV S số tiền tạm tính đến ngày 04/10/2022 là: 183.999.269 đồng *(bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng)*. Đề nghị Tòa án không tiếp tục tính lãi, phí theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 04/10/2022 cho đến ngày Ông H1 thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Trường hợp Ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TNHH MTV S được yêu cầu cơ quan thi hành án buộc Ông Nguyễn Việt H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án về địa chỉ nơi cư trú của Ông H1: Ngân hàng chỉ biết Ông H1 có ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng của Ông H1 là Thôn Kh, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội. Ngoài ra không biết địa chỉ nơi ở nào khác của Ông H1. Hiện nay ngân hàng không liên lạc được với Ông H1, không biết anh H1 đi

đâu, làm gì và khi nào trở về. Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng để thông báo cho Ông H1 biết tham gia tố tụng về việc Ngân hàng khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng Ông H1 vẫn vắng mặt. Do vậy Ngân hàng TNHH một thành viên S đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân Hàng.

**** Bị đơn – Ông Nguyễn Việt H1 đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng Ông H1 không đến Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không có lời khai của anh H1 tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.***

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Toà án nhân dân huyện G đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về nợ gốc, buộc Ông Nguyễn Việt H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên S số tiền nợ gốc là 136.587.129 đồng.

Về lãi suất: Do Ngân hàng TNHH một thành viên S không cung cấp bảng tính lãi cho Tòa án nên giành cho Ngân hàng quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về lãi suất.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TNHH một thành viên S về việc không tiếp tục tính lãi, phí theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 04/10/2022 cho đến khi Ông H1 thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên S.

* Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 13 tháng 10 năm 2022, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện Ông Nguyễn Việt H1 đã được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TNHH một thành viên S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Ông Nguyễn Việt H1– Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Kh, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần đồng thời Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng để thông báo cho Ông H1 biết tham gia tố tụng về việc Ngân hàng khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng Ông H1 vẫn vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[3]. Việc ký kết hợp đồng: Ngày 25/9/2018 Ông Nguyễn Việt H1 - Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Kh, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/9/2018 của Ông Nguyễn Việt H1 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TNHH một thành viên S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng TNHH một thành viên S có nội dung:

Hạn mức tiền vay: 150.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng được tính tại thời điểm sử dụng thẻ tín dụng.

Ông Nguyễn Việt H1 đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi Ông H1 sử dụng dịch vụ tại Ngân hàng TNHH một thành viên S mà Ông H1 đã ký ngày 25/9/2018.

Trên cơ sở đó Ngân hàng TNHH một thành viên S đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho Ông Nguyễn Việt H1 và đến ngày 17/10/2018 Ông Nguyễn Việt H1 được cấp thẻ.

[4]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ông H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 148.353.935 đồng. Ông H1 chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền148.353.935 đồng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng. Ông H1 đã được cấp đủ hạn mức và nhận đủ số tiền vay nhưng Ông H1 đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng TNHH một thành viên S. Vì vậy, Ngân hàng TNHH một thành viên S khởi kiện yêu cầu buộc Ông H1 phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, là có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi và phí trả chậm là: 183.999.269 đồng *(bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm chín mươi*

chín ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 136.587.129 đồng
- Nợ lãi: 43.141.744 đồng
- Phí trả chậm: 4.270.396 đồng

Riêng đối với khoản phí trả chậm: 4.270.396 đồng lẽ ra không được chấp nhận, tuy nhiên Ngân hàng TNHH một thành viên S đã tạm dừng tính lãi và phí đối với Ông H1 từ ngày 17/12/2019 nên có căn cứ để chấp nhận khoản phí trả chậm này.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận khoản nợ lãi và phí trả chậm đồng thời giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TNHH một thành viên S bằng một vụ án khác là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là Ông Nguyễn Việt H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 25/9/2018 tổng số tiền còn nợ *(tính đến hết ngày 04 /10 /2022)* là: 183.999.269 đồng *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng)*, trong đó:

- Nợ gốc: 136.587.129 đồng
- Nợ lãi: 43.141.744 đồng
- Phí trả chậm: 4.270.396 đồng

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn Ông Nguyễn Việt H1 phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể Ông Nguyễn Việt H1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 9.200.000 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH một thành viên S đối với Ông Nguyễn Việt H1.

2. Buộc Ông Nguyễn Việt H1 phải trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên S (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/9/2018 của Ông Nguyễn Việt H1 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TNHH một thành viên S) tổng số tiền còn nợ *(tính đến hết ngày 04 /10 /2022)* là: 183.999.269 đồng *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng)*, trong đó:

- Nợ gốc: 136.587.129 đồng
- Nợ lãi: 43.141.744 đồng
- Phí trả chậm: 4.270.396 đồng

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TNHH một thành viên S về việc không tiếp tục tính lãi, phí theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 04/10/2022 cho đến khi Ông H1 thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên S.

4. Về án phí:

Buộc Ông Nguyễn Việt H1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 9.200.000 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TNHH một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án thu số 123945 ngày 12/10/2022 là 4.600.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Nguyễn Viết Tuấn